TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN BÌNH **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2023/KDTM - ST
Ngày: 10 - 01 - 2023
V/v: Tranh chấp hợp đồng cho thuê hàng hóa.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN BÌNH – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Tiến Quang

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Vũ Trung Kiên

2. Bà Nguyễn Thị Lương

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lan - Thư ký Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình tham gia phiên Tòa: Bà Võ Ngọc Liên Hương - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 01 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Tân Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 75/2020/KTST ngày 02 tháng 7 năm 2020 về "Tranh chấp hợp đồng cho thuê tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 457/2022/QĐXXST- KDTM ngày 01 tháng 12 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 305/2022/QĐST-KDTM ngày 23/12/2022 giữa:

1. Nguyên đơn: Công ty TNHH S.

Địa chỉ: đường A, phường P, Quận Q (nay là Thành phố Đ), Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Phạm Bá T.

Địa chỉ: đường A, phường P, Quận Q (nay là Thành phố Đ), Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Bị đơn: Công ty TNHH V.

Địa chỉ: đường D, Phường B, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện theo pháp luật: Ông Vũ Trọng H.

Địa chỉ: đường D, Phường B, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo nội dung đơn khởi kiện ngày 05/6/2020 của công ty TNHH S, bản tự khai của ông Phạm Bá T - đại diện theo ủy quyền của công ty TNHH S trình bày:

Công ty TNHH S (gọi tắt là công ty S) và công ty TNHH Thương mại Quốc tế V (gọi tắt là công ty V) có ký kết sáu hợp đồng cho thuê tài sản, bao gồm những hợp đồng sau:

- Hợp đồng thứ 01: Hợp đồng cho thuê số 01/2017/HĐCT/SGTĐ-VT ngày 15/12/2017.

+ Đối tượng của hợp đồng là cho thuê cừ thép Larsen.

+ Giá trị hợp đồng (bao gồm thuế giá trị gia tăng) tạm tính là 168.485.400 đồng.

- Hợp đồng thứ 02: Hợp đồng dịch vụ số 2012/HĐDV/VT-TĐ ngày 20/12/2017.

+ Đối tượng của hợp đồng là dịch vụ thi công đóng, nhổ cừ Larsen.

+ Giá trị hợp đồng (bao gồm thuế giá trị gia tăng) tạm tính là 1.198.000.000 đồng.

- Hợp đồng thứ 03: Phụ lục hợp đồng cho thuê số 01/2018/PLHĐCT/SGTĐ-VT ngày 08/01/2018.

+ Đối tượng của hợp đồng là cho thuê cừ thép Larsen.

+ Giá trị hợp đồng (bao gồm thuế giá trị gia tăng) tạm tính là 190.512.520 đồng.

- Hợp đồng thứ 04: Hợp đồng dịch vụ số 01/2018/HĐDV/SGTĐ-VT ngày 24/02/2018.

+ Đối tượng của hợp đồng là cho thuê xe cẩu.

+ Giá trị hợp đồng (bao gồm thuế giá trị gia tăng) là 65.000.000 đồng/tháng. Tổng số tiền trong thời gian thuê từ ngày 24/02/2018 đến ngày 30/4/2018 là 144.677.419 đồng.

- Hợp đồng thứ 05: Phụ lục hợp đồng cho thuê số 02/2018/ PLHĐCT/SGTĐ-VT ngày 26/02/2018.

+ Đối tượng của hợp đồng là cho thuê cừ thép Larsen.

+ Giá trị hợp đồng (bao gồm thuế giá trị gia tăng) tạm tính là 365.051.700 đồng.

- Hợp đồng thứ 06: Hợp đồng kinh tế số 01/HĐKT/CR ngày 10/6/2018.

+ Đối tượng của hợp đồng là dịch vụ bơm bê tông.

+ Giá trị hợp đồng (bao gồm thuế giá trị gia tăng) tạm tính thuê 01 tháng/máy bơm ngang là 120.000.000 đồng, cộng với giá trị vượt khối lượng bơm nhân với đơn giá theo đường ống bơm. Tổng số tiền trong thời gian thuê từ 10/6/2018 đến 31/7/2018 là 74.400.000 đồng.

Quá trình thực hiện hợp đồng, công ty S thực hiện đúng những giao kết theo thỏa thuận tại các hợp đồng trên, nhưng công ty V đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán cho công ty S, cụ thể: ngày 23/8/2018, công ty V đã ký xác nhận còn nợ công ty S tổng số tiền là 997.971.297 đồng. Sau đó, vào ngày 19/9/2018 công ty V đã thanh toán cho công ty S 98.000.000 đồng. Số tiền nợ gốc còn lại là 889.971.297 đồng.

Nay ông đại diện công ty S yêu cầu công ty V phải thanh toán cho công ty S tổng số tiền gốc và lãi là 1.112.589.516 đồng, trong đó số tiền nợ gốc là 899.971.297 đồng và tiền lãi được tính từ ngày công ty V vi phạm đến ngày công

ty S nộp đơn là ngày 05/6/2020, với lãi suất là 9%/năm, theo mức lãi suất cơ bản của Ngân hàng nhà nước nhân với 150%.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành triệu tập ông Vũ Trọng H là đại diện theo pháp luật của công ty V đến Tòa án để tự khai; tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, nhưng ông H đều vắng mặt và không có văn bản trình bày ý kiến.

Tại phiên tòa .

Ông Vũ Trọng H là người đại diện theo pháp luật của công ty V vắng mặt không lý do.

Ông Phạm Bá T là người đại diện theo ủy quyền của công ty S trình bày:

Giữa công ty S và công ty V có ký kết sáu hợp đồng cho thuê tài sản như đã nêu trên. Quá trình thực hiện hợp đồng, công ty S thực hiện đúng những giao kết theo thỏa thuận tại các hợp đồng, nhưng công ty V đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán cho công ty S, cụ thể: ngày 23/8/2018, công ty V đã ký xác nhận còn nợ công ty S tổng số tiền là 997.971.297 đồng, sau đó ngày 19/9/2018, công ty V đã thanh toán cho công ty S số tiền là 98.000.000 đồng. Số tiền công ty V còn nợ công ty S là 899.971.297 đồng.

Tại phiên tòa hôm nay, ông yêu cầu công ty V phải thanh toán cho công ty S số tiền gốc là 899.971.297 đồng theo giấy xác nhận công nợ ngày 23/8/2018 và tiền lãi theo lãi suất 7,5% x 150% = 11,25%/năm trên số nợ gốc là 899.971.297 đồng, được tính từ ngày công ty V trả số tiền 98.000.000 đồng là ngày 19/9/2018 đến ngày 19/12/2022. Tổng số ngày phải thanh toán tiền lãi là 04 năm 03 tháng 22 ngày, nhưng ông tính tròn 04 năm 03 tháng, với số tiền lãi là 430.298.776 đồng, tổng số tiền gốc và lãi là 1.330.270.073 đồng.

Yêu cầu công ty V phải thực hiện việc thanh toán tiền gốc và tiền lãi cho công ty S ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Đối với chi phí giám định chữ ký của ông Vũ Trọng H là người đại diện theo pháp luật của công ty V là 5.100.000 đồng, công ty S tự nguyện chịu.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận T phát biểu ý kiến:

Về tố tụng:

Việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử là đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tòa án thụ lý vụ án là đúng thẩm quyền, xác định đúng tư cách pháp lý của những người tham gia tố tụng, quan hệ pháp luật tranh chấp. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm như: Nguyên tắc xét xử, thành phần Hội đồng xét xử, sự có mặt của các thành viên Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa.

Về nội dung:

Căn cứ tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời trình bày của đại diện công ty S tại phiên tòa có đủ cơ sở chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của công

ty S, buộc công ty V phải thanh toán nợ gốc và lãi là 1.330.270.073 đồng cho công ty S ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thẩm quyền:

Theo đơn khởi kiện ngày 05/6/2020 và các tài liệu chứng cứ kèm theo thể hiện bị đơn - công ty V có trụ sở tại địa chỉ: đường D, Phường B, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận T theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm b khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ tranh chấp:

Theo đơn khởi kiện ngày 05/6/2020 và các tài liệu chứng cứ kèm theo. Tòa án xét thấy, công ty S khởi kiện yêu cầu công ty V thanh toán số tiền còn thiếu xuất phát từ hợp đồng thuê hàng hóa, do công ty V không chịu thanh toán tiền còn thiếu theo điều khoản đã quy định tại hợp đồng, nên công ty S khởi kiện. Như vậy, quan hệ tranh chấp trong vụ án này được xác định là "Tranh chấp hợp đồng cho thuê hàng hóa" được quy định tại khoản 2 Điều 3 và Điều 269 Luật thương mại.

[3] Về thủ tục tố tụng:

Tòa án đã tống đạt giấy triệu tập tham gia phiên tòa, quyết định xét xử vụ án cho ông Vũ Trọng H là người đại diện theo pháp luật của công ty V lần thứ nhất vào ngày 23/12/2022; lần thứ hai vào ngày 10/01/2023, nhưng ông H vẫn vắng mặt không lý do.

Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[4] Xét yêu cầu khởi kiện của công ty S, yêu cầu công ty V phải thanh toán tiền nợ gốc là 899.971.297 đồng là số tiền còn thiếu theo giấy xác nhận công nợ ngày 23/8/2018 giữa công ty S với công ty V, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Theo các tài liệu, chứng cứ do công ty S cung cấp cho Tòa án gồm bản sao:

Hợp đồng cho thuê số 01/2017/HĐCT/SGTĐ-VT ngày 15/12/2017 giữa công ty S với công ty V;

Hợp đồng dịch vụ số 2012/HĐDV/VT-TĐ ngày 20/12/2017 giữa công ty S với công ty V;

Phụ lục hợp đồng cho thuê số 01/2018/PLHĐCT/SGTĐ-VT ngày 08/01/2018 giữa công ty S với công ty V;

Hợp đồng dịch vụ số 01/2018/HĐDV/SGTĐ-VT ngày 24/02/2018 giữa công ty S với công ty V;

Phụ lục hợp đồng cho thuê số 02/2018/ PLHĐCT/SGTĐ-VT ngày 26/02/2018 giữa công ty S với công ty V;

Hợp đồng kinh tế số 01/HĐKT/CR ngày 10/6/2018 giữa công ty S với công ty V;

Biên bản quyết toán ngày 02/4/2018 giữa công ty S với công ty V.

Căn cứ giấy xác nhận công nợ ngày 23/8/2018 có chữ ký của ông Vũ Trọng H là đại diện theo pháp luật của công ty V xác nhận còn nợ công ty S số tiền là 997.971.297 đồng.

Căn cứ kết luận giám định số 5024/KL-KTHS ngày 21/9/2022 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an thành phố Hồ Chí Minh kết luận: "Chữ ký đứng tên Vũ Trọng H trên tài liệu cần giám định (Giấy xác nhận công nợ ngày 23/8/2018 của công ty V) ký hiệu A (đã nêu ở mục II.1) so với chữ ký đứng tên Vũ Trọng H trên tài liệu mẫu so sánh ký hiệu M8, M9 (đã nêu ở mục II.2) do cùng một người ký ra".

Tại phiên tòa, ông Phạm Bá T là người đại diện theo ủy quyền của công ty S xác nhận vào ngày 19/9/2018 công ty V đã thanh toán cho công ty S số tiền là 98.000.000 đồng. Tổng số tiền công ty V còn nợ công ty S là 899.971.297 đồng.

Khoản 1 Điều 95 Bộ luật tố tụng dân sự quy định về việc xác định chứng cứ như sau: “Tài liệu đọc được nội dung được coi là chứng cứ nếu là bản chính hoặc bản sao có công chứng, chứng thực hợp pháp hoặc do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền cung cấp, xác nhận”.

Từ các tài liệu, chứng cứ nêu trên; diễn biến tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy, công ty V thực tế còn nợ công ty S số tiền là 899.971.297 đồng, vì vậy, yêu cầu khởi kiện của công ty S yêu cầu công ty V phải thanh toán số tiền nợ gốc theo giấy xác nhận công nợ ngày 23/8/2018 là 899.971.297 đồng là có cơ sở, không trái pháp luật, nên chấp nhận.

[5] Xét yêu cầu khởi kiện của công ty S, yêu cầu công ty V phải thanh toán tiền lãi theo lãi suất 7,5% x 150% = 11,25%/năm do chậm thanh toán trên số tiền nợ gốc 899.971.297 đồng tính từ ngày 19/9/2018 đến ngày 19/12/2022, với số tiền 430.298.776 đồng, Hội đồng xét xử xét thấy:

Điều 306 Luật thương mại quy định: Trường hợp bên vi phạm hợp đồng chậm thanh toán tiền hàng hay chậm thanh toán thù lao dịch vụ và các chi phí hợp lý khác thì bên bị vi phạm hợp đồng có quyền yêu cầu trả tiền lãi trên số tiền chậm trả đó theo lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm thanh toán tương ứng với thời gian chậm trả, trừ trường hợp có thỏa thuận khác hoặc pháp luật có quy định khác.

Theo bảng cập nhật lãi suất cho vay ngày 05/01/2021 của Ngân hàng TMCP ngoại thương Việt Nam thì mức lãi suất là 9,5%/năm; bảng lãi suất cho vay ngày 21/3/2021 của Ngân hàng TMCP công thương Việt Nam là 9,5%/năm; bảng lãi suất cho vay được cập nhật ngày 10/01/2023 của Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam là 7,5%/năm. Như vậy, lãi suất bình quân là 8,83%/năm, lãi suất quá hạn: 8,83% x 150% = 13,25%/năm.

Căn cứ vào những tài liệu, chứng cứ nêu trên, Hội đồng xét xử nhận định, công ty V phải thanh toán tiền lãi là 430.298.776 đồng, tính từ ngày 19/9/2018 đến ngày 19/12/2022, theo lãi suất quá hạn là 7,5% x 150% = 11,25%/năm là thấp hơn mức lãi suất quá hạn bình quân của ba Ngân hàng là 13,74% là có lợi cho công ty V và không trái pháp luật, nên chấp nhận.

Như vậy, công ty V phải thanh toán cho công ty S các khoản sau:

Tiền nợ gốc: 899.971.297 đồng.

Tiền lãi: 430.298.776 đồng.

Tổng cộng: 1.330.270.073 đồng.

Về thời hạn thanh toán: Công ty S yêu cầu công ty V thanh toán ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật là không trái luật, nên chấp nhận.

[6] Về chi phí giám định chữ ký: Chi phí giám định là 5.100.000 đồng do công ty S tự nguyện chịu và đã nộp đủ.

[7] Về án phí:

Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội ban hành ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, công ty V phải chịu án phí sơ thẩm là 51.908.102 đồng. Hoàn lại công ty S số tiền 22.688.850 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số --16581 ngày 29/6/2020 của Chi cục thi hành án dân sự quận Tân Bình**.**

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 30; điểm b khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 95; Điều 186; điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 271; Điều 273; Điều 278; Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 2 Điều 3, Điều 269, Điều 270, Điều 271 và Điều 306 Luật thương mại;

Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội ban hành ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Căn cứ các điều 2,6,7,7a,7b, 9, 26, 30, 31, 32 Luật Thi hành án dân sự.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH S.

1.1. Công ty TNHH V phải thanh toán cho công ty TNHH S số tiền còn thiếu theo Giấy xác nhận công nợ ngày 28/3/2018 là 1.330.270.073đ (một tỷ ba trăm ba mươi triệu hai trăm bảy mươi ngàn không trăm bảy mươi ba đồng), trong đó tiền nợ gốc là 899.971.297đ (tám trăm chín mươi chín triệu chín trăm bảy mươi mốt ngàn hai trăm chín mươi bảy đồng) và tiền lãi do chậm thanh toán là 430.298.776đ (bốn trăm ba mươi triệu hai trăm chín mươi tám ngàn bảy trăm bảy mươi sáu đồng).

1.2. Thời hạn thanh toán: Ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi theo mức lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm thanh toán tương ứng với thời gian chậm trả.

2. Về chi phí giám định chữ ký: Chi phí giám định là 5.100.000đ (năm triệu một trăm ngàn đồng) do công ty TNHH S tự nguyện chịu và đã nộp đủ.

3. Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Công ty TNHH V phải chịu 51.908.102đ (năm mươi mốt triệu chín trăm lẻ tám ngàn một trăm lẻ hai đồng). Hoàn lại công ty TNHH S 22.688.850đ (hai mươi hai triệu sáu trăm tám mươi tám ngàn tám trăm năm mươi đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số --16581 ngày 29/6/2020 của Cục thi hành án dân sự quận T.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên Tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân Tp. Hồ Chí Minh;
- Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình;
- Chi cục Thi hành án DS quận Tân Bình;
- Các đương sự;
- Lưu VP, Hồ sơ (…).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

(đã ký)

Trần Tiến Quang